

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015  
đã được soát xét*

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét</b>	<b>5 – 29</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1903000500 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500302820 ngày 03 tháng 7 năm 2009.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **40.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bao gồm: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, cát sỏi (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 29).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Ứng	Chủ tịch
Ông Trần Trọng Diên	Ủy viên
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cao Thắng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Quang Tuyến	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2015
Ông Trần Quang Đình	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo của Ban Giám đốc** (tiếp theo)

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

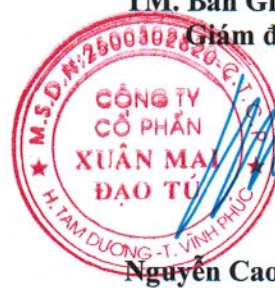
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 8 năm 2015

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**



**Nguyễn Cao Thắng**

Số : 288./2015/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc Công ty**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>169.839.208.795</b>	<b>151.461.858.922</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>607.328.613</b>	<b>1.387.380.893</b>
1.	Tiền	111	V.01	607.328.613	1.387.380.893
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>121.964.144.530</b>	<b>126.393.856.303</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	113.063.230.907	125.736.891.440
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		872.436.410	484.825.229
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	8.100.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.978.065.930	2.221.728.351
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.049.588.717)	(2.049.588.717)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>47.235.608.710</b>	<b>23.651.206.809</b>
1.	Hàng tồn kho	141		47.235.608.710	23.651.206.809
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.126.942</b>	<b>29.414.917</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.12	32.126.942	29.414.917
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.963.947.881</b>	<b>34.818.244.122</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.205.892.314</b>	<b>27.067.650.752</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	24.155.892.316	27.007.650.752
	- Nguyên giá	222		67.019.191.954	67.358.412.302
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.863.299.638)	(40.350.761.550)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	49.999.998	60.000.000
	- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.000.002)	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.932.880.597</b>	<b>6.491.407.946</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	6.932.880.597	6.491.407.946
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.825.174.970</b>	<b>1.259.185.424</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.825.174.970	1.259.185.424
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VII.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>202.803.156.676</b>	<b>186.280.103.044</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>155.056.648.120</b>	<b>140.933.605.452</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>154.515.148.120</b>	<b>140.933.605.452</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	72.308.761.717	48.794.204.022
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.770.902.797	37.582.452.697
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.707.724.388	4.450.945.042
4.	Phải trả người lao động	314		5.343.072.560	3.563.586.943
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	345.465.659	149.086.133
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.986.025.205	2.544.687.663
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	45.423.440.828	42.201.087.986
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.629.754.966	1.647.554.966
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>541.500.000</b>	<b>-</b>
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	541.500.000	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.746.508.556</b>	<b>45.346.497.592</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>47.746.508.556</b>	<b>45.346.497.592</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.604.205.371	5.604.205.371
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.491.696.815)	(3.891.707.779)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(3.942.158.874)	(6.414.262.537)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.450.462.059	2.522.554.758
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>202.803.156.676</b>	<b>186.280.103.044</b>

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Doan

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Phượng

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Cao Thắng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>64.259.795.362</b>	<b>39.783.599.810</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>64.259.795.362</b>	<b>39.783.599.810</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	56.371.154.020	34.010.564.384
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7.888.641.342</b>	<b>5.773.035.426</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	745.990.690	10.500.530
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.816.019.287	2.341.441.408
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.744.191.515</i>	<i>2.341.441.408</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	981.387.539	2.528.069.268
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	3.697.281.964	3.715.042.966
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.139.943.242</b>	<b>(2.801.017.686)</b>
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	310.518.817	1.066.679.623
13.	Chi phí khác	32	VI.07	-	470.010.211
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>310.518.817</b>	<b>596.669.412</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.450.462.059</b>	<b>(2.204.348.274)</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2.450.462.059</b>	<b>(2.204.348.274)</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.450.462.059	(2.204.348.274)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.08</b>	<b>613</b>	<b>(551)</b>
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.09</b>	<b>586</b>	<b>(551)</b>

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng



Nguyễn Cao Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>2.450.462.059</b>	<b>(2.204.348.274)</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.861.758.438	2.984.511.937
-	Các khoản dự phòng	03		-	(139.519.928)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(498.618.398)	(180.641.814)
-	Chi phí lãi vay	06		1.744.191.515	2.341.441.408
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<b>6.557.793.614</b>	<b>2.801.443.329</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.526.999.748	9.088.872.409
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.584.401.901)	(36.682.096.202)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.376.989.826	37.462.952.810
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(565.989.546)	176.570.130
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.744.191.515)	(2.471.672.036)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.098.681.890)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	197.474.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(68.251.095)	(107.304.100)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.498.949.131</b>	<b>7.367.558.450</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(441.472.651)	(595.494.074)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		274.545.455	234.545.455
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.100.000.000)	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		224.072.943	10.500.530
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.042.854.253)</b>	<b>(350.448.089)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		56.566.940.828	50.582.304.826
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.803.087.986)	(57.306.570.856)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(558.841.698)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.100.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.763.852.842</b>	<b>(9.383.107.728)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(780.052.280)</b>	<b>(2.365.997.367)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.387.380.893</b>	<b>3.009.604.252</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>607.328.613</b>	<b>643.606.885</b>

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất cầu kiện bê tông.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, cát sỏi (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **03. Công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2015</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>	
			<i>Tại ngày 30/6/2015</i>	<i>Tại ngày 01/01/2015</i>
Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Thôn Lục Liễu, xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	100%	100%	100%

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

##### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

##### **03. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá thành thực hiện của sản phẩm sản xuất, xây lắp bán trong kỳ.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.523.923	369.469.687
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	603.804.690	1.017.911.206
<b>Cộng</b>	<b><u>607.328.613</u></b>	<b><u>1.387.380.893</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	110.613.856.941	121.699.696.723
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.449.373.966	4.037.194.717
<b>Cộng</b>	<b>113.063.230.907</b>	<b>125.736.891.440</b>
<b>b) Các bên liên quan</b>		
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	110.999.483.864	123.177.929.869
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	110.613.856.941	121.699.696.723
+ Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai	16.672.158	168.825.310
+ Công ty Cổ phần Xây Lắp Xuân Mai	368.954.765	1.000.107.836
+ Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	-	309.300.000
<b>Cộng</b>	<b>110.999.483.864</b>	<b>123.177.929.869</b>

**03. Các khoản phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	8.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.100.000.000</b>	-
<b>b) Các bên liên quan</b>		
- Phải thu về cho vay ngắn hạn		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	8.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.100.000.000</b>	-

**04. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.978.065.930</b>	<b>1.466.697.934</b>	<b>2.221.728.351</b>	<b>1.466.697.934</b>
- Tạm ứng	1.978.065.930	1.466.697.934	2.221.728.351	1.466.697.934
<b>Cộng</b>	<b>1.978.065.930</b>	<b>1.466.697.934</b>	<b>2.221.728.351</b>	<b>1.466.697.934</b>

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	15.157.626.373	-	9.619.960.458	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.740.607.157	-
- Thành phẩm	31.445.897.915	-	11.658.554.772	-
- Hàng gửi đi bán	632.084.422	-	632.084.422	-
<b>Cộng</b>	<b>47.235.608.710</b>	<b>-</b>	<b>23.651.206.809</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>35.728.482.946</b>	<b>21.437.900.760</b>	<b>8.189.509.344</b>	<b>2.002.519.252</b>	<b>67.358.412.302</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(295.238.095)	(43.982.253)	(339.220.348)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>35.728.482.946</b>	<b>21.437.900.760</b>	<b>7.894.271.249</b>	<b>1.958.536.999</b>	<b>67.019.191.954</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>16.710.358.863</b>	<b>16.011.116.405</b>	<b>5.912.902.612</b>	<b>1.716.383.670</b>	<b>40.350.761.550</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.391.230.596	876.763.960	517.684.071	66.079.809	2.851.758.436
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(295.238.095)	(43.982.253)	(339.220.348)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.101.589.459</b>	<b>16.887.880.365</b>	<b>6.135.348.588</b>	<b>1.738.481.226</b>	<b>42.863.299.638</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>19.018.124.083</b>	<b>5.426.784.355</b>	<b>2.276.606.732</b>	<b>286.135.582</b>	<b>27.007.650.752</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>17.626.893.487</b>	<b>4.550.020.395</b>	<b>1.758.922.661</b>	<b>220.055.773</b>	<b>24.155.892.316</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 11.630.736.591 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
- Mua trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	10.000.002	10.000.002
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>10.000.002</b>	<b>10.000.002</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>49.999.998</b>	<b>49.999.998</b>

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án mỏ đá Lục Liễu	6.800.108.609	6.491.407.946
- Xây dựng trạm trộn	132.771.988	-
<b>Cộng</b>	<b>6.932.880.597</b>	<b>6.491.407.946</b>

**09. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.825.174.970</b>	<b>1.259.185.424</b>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	155.041.255	150.822.808
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	350.583.215	310.205.102
- Chi phí gia công ván khuôn	1.189.296.616	694.960.595
- Chi phí khác	130.253.884	103.196.919
<b>Cộng</b>	<b>1.825.174.970</b>	<b>1.259.185.424</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn	42.201.087.986	42.201.087.986	55.800.440.828	52.578.087.986	45.423.440.828	45.423.440.828
+ Ngân hàng	42.201.087.986	42.201.087.986	55.575.440.828	52.578.087.986	45.198.440.828	45.198.440.828
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(a)</sup>	21.381.737.972	21.381.737.972	35.375.522.528	31.758.737.972	24.998.522.528	24.998.522.528
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc <sup>(b)</sup>	3.518.449.275	3.518.449.275	3.346.722.023	3.518.449.275	3.346.722.023	3.346.722.023
+ Ngân hàng TMCP LiênVietPost Bank - CN Vĩnh Phúc <sup>(c)</sup>	17.300.900.739	17.300.900.739	16.853.196.277	17.300.900.739	16.853.196.277	16.853.196.277
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	225.000.000	-	225.000.000	225.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc	-	-	225.000.000	-	225.000.000	225.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>						
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>						
- Vay ngắn hạn	-	-	766.500.000	225.000.000	541.500.000	541.500.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc <sup>(d)</sup>	-	-	766.500.000	225.000.000	541.500.000	541.500.000
<b>Cộng</b>	<b>42.201.087.986</b>	<b>42.201.087.986</b>	<b>56.566.940.828</b>	<b>52.803.087.986</b>	<b>45.964.940.828</b>	<b>45.964.940.828</b>

(a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 15/DN-ĐB/NHHM012 ngày 28/01/2015 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE416800 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải.

(b) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/362395/HĐTD ngày 09/04/2015 để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở thư tín dụng L/C (nếu có). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô Toyota Innova BKS 88K-1187, cầu trục hai dầm Q=7,5 tấn, hệ thống đường điện, hệ thống đường ray, xưởng sản xuất cấu kiện bê tông 1 và các thiết bị đi kèm của công ty tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bè Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(c) Là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 390.052/2014/HĐTD-LPBVP ngày 02 tháng 6 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể hoặc khế ước nhận nợ. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai bảo lãnh theo Cam kết bảo lãnh số 04/CK/BTXM-TCKT ngày 12/5/2014.

(d) Là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng trung hạn số 01/2015/362395/HĐTD ngày 11 tháng 6 năm 2015 để đầu tư mới 01 trạm trộn bê tông. Hạn mức vay là 4.500.000.000, lãi suất vay 9%/ năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của trạm trộn bê tông hình thành trong tương lai.

Đơn vị tính: VND

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Phương	3.488.147.153	3.488.147.153	5.329.785.664	5.329.785.664
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	57.472.527.924	57.472.527.924	31.010.839.248	31.010.839.248
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	11.348.086.640	11.348.086.640	12.453.579.110	12.453.579.110
<b>Cộng</b>	<b>72.308.761.717</b>	<b>72.308.761.717</b>	<b>48.794.204.022</b>	<b>48.794.204.022</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	57.472.527.924	57.472.527.924	31.404.203.386	31.404.203.386
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	57.472.527.924	57.472.527.924	31.010.839.248	31.010.839.248
+ Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai	-	-	168.364.138	168.364.138
+ Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Xuân Mai	-	-	225.000.000	225.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.472.527.924</b>	<b>57.472.527.924</b>	<b>31.404.203.386</b>	<b>31.404.203.386</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TỬ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**a. Thuế GTGT được khấu trừ**

Số đầu năm	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ	Số thuế GTGT đã khấu trừ với thuế GTGT đầu ra	Số cuối kỳ
29.414.917	6.410.024.643	6.407.312.618	32.126.942
<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
4.338.016.139	45.012.403	2.700.000.000	1.683.028.542
112.928.903	41.968.507	130.201.564	24.695.846
-	4.500.000	4.500.000	-
<b>4.450.945.042</b>	<b>91.480.910</b>	<b>2.834.701.564</b>	<b>1.707.724.388</b>

**b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra
  - Thuế thu nhập cá nhân
  - Thuế khác
- Cộng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>345.465.659</b>	<b>149.086.133</b>
- Trích trước tiền thuê đất	201.625.788	-
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	118.839.871	99.086.133
- Trích trước chi phí khác	25.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>345.465.659</b>	<b>149.086.133</b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>2.986.025.205</b>	<b>2.544.687.663</b>
- Kinh phí công đoàn	482.000.210	555.771.390
- Bảo hiểm xã hội	850.688.502	299.110.271
- Bảo hiểm thất nghiệp	36.263.680	20.449.339
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.617.072.813	1.669.356.663
+ <i>Vay ngắn hạn công nhân viên</i>	491.115.000	491.115.000
+ <i>Thưởng Ban điều hành</i>	-	350.000.000
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.125.957.813	828.241.663
<b>Cộng</b>	<b>2.986.025.205</b>	<b>2.544.687.663</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>15. Vốn chủ sở hữu</b>					
<i>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu</i>					
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.634.000.000</b>	<b>5.604.205.371</b>	<b>(6.414.262.537)</b>	<b>42.823.942.834</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.522.554.758	2.522.554.758
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.634.000.000</b>	<b>5.604.205.371</b>	<b>(3.891.707.779)</b>	<b>45.346.497.592</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	2.450.462.059	2.450.462.059
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(50.451.095)	(50.451.095)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.634.000.000</b>	<b>5.604.205.371</b>	<b>(1.491.696.815)</b>	<b>47.746.508.556</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	26.000.000.000	26.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	14.000.000.000	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm	64.259.795.362	39.783.599.810
<b>Cộng</b>	<b>64.259.795.362</b>	<b>39.783.599.810</b>

*Trong đó: Doanh thu đối với bên liên quan*

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	46.117.767.834	21.686.947.818
<b>Công ty Cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	80.437.260	-
<b>Cộng</b>	<b>46.198.205.094</b>	<b>21.686.947.818</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	56.371.154.020	34.010.564.384
<b>Cộng</b>	<b>56.371.154.020</b>	<b>34.010.564.384</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	224.072.943	10.500.530
- Lãi khách hàng chậm thanh toán	521.917.747	-
<b>Cộng</b>	<b>745.990.690</b>	<b>10.500.530</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	1.744.191.515	2.341.441.408
- Chi phí lãi chậm thanh toán	58.361.489	-
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	13.466.283	-
<b>Cộng</b>	<b>1.816.019.287</b>	<b>2.341.441.408</b>

**05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>3.697.281.964</b>	<b>3.715.042.966</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.783.028.449	2.494.179.992
- Chi phí vật liệu quản lý	206.716.041	338.990.762
- Chi phí đồ dùng văn phòng	122.001.477	200.676.004
- Chi phí khấu hao TSCĐ	127.540.074	129.971.562
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.639.816	329.247.609
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	218.356.107	218.977.037
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>981.387.539</b>	<b>2.528.069.268</b>
- Chi phí nhân viên	101.527.942	216.408.071
- Chi phí vật liệu, bao bì	323.332.369	857.607.254
- Chi phí khấu hao TSCĐ	509.377.228	569.250.582
- Chi phí bằng tiền khác	47.150.000	884.803.361
<b>Cộng</b>	<b>4.678.669.503</b>	<b>6.243.112.234</b>

**06. Thu nhập khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	274.545.455	234.545.455
- Các khoản thu nhập khác	35.973.362	832.134.168
<b>Cộng</b>	<b>310.518.817</b>	<b>1.066.679.623</b>

**07. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	64.404.171
- Các khoản chi phí khác	-	405.606.040
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>470.010.211</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.450.462.059	(2.204.348.274)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.450.462.059	(2.204.348.274)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>613</b>	<b>(551)</b>

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.450.462.059	(2.204.348.274)
Các khoản điều chỉnh giảm	108.000.000	-
<i>Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2015(*)</i>	<i>108.000.000</i>	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.342.462.059	(2.204.348.274)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>586</b>	<b>(551)</b>

(\*): Khoản điều chỉnh giảm về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được chi khi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, sản lượng sản xuất và lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 đạt được theo kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.665.028.778	53.626.035.716
- Chi phí nhân công	15.384.290.115	14.478.551.160
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.861.758.438	2.984.511.937
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.019.924.792	2.209.343.206
- Chi phí khác bằng tiền	2.165.557.386	2.406.675.740
<b>Cộng</b>	<b>79.096.559.509</b>	<b>75.705.117.759</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	372.913.138	341.584.140
<b>Cộng</b>	<b><u>372.913.138</u></b>	<b><u>341.584.140</u></b>

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh bất động sản Xuân Mai

**Mối quan hệ**

- Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b><i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</i></b>		
- Mua hàng	47.674.315.713	36.828.352.274
- Sử dụng dịch vụ	-	208.610.148
- Mua tài sản cố định	-	225.213.826
- Doanh thu lãi chậm thanh toán	521.917.747	826.484.168
- Cho vay	8.100.000.000	-
- Lãi cho vay	219.370.833	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai</i></b>		
- Mua hàng	-	278.411.363
- Mua tài sản	-	30.000.000
<b><i>Công ty CP Cơ giới vận tải Xuân Mai</i></b>		
- Mua hàng	65.700.000	572.261.724
- Chi phí lãi trả chậm	-	22.052.457

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai</i></b>		
- Người mua trả tiền trước	24.596.058.950	28.967.457.697
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>24.596.058.950</u></b>	<b><u>28.967.457.697</u></b>

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và lắp dựng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ**  
 Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị ghi số	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	607.328.613	-	1.387.380.893	-	607.328.613	1.387.380.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.063.230.907	(2.049.588.717)	125.736.891.440	(2.049.588.717)	111.013.642.190	123.687.302.723
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.100.000.000	-	-	-	8.100.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>121.770.559.520</b>	<b>(2.049.588.717)</b>	<b>127.124.272.333</b>	<b>(2.049.588.717)</b>	<b>119.720.970.803</b>	<b>125.074.683.616</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	72.308.761.717	48.794.204.022	72.308.761.717	48.794.204.022
Vay và nợ	45.964.940.828	42.201.087.986	45.964.940.828	42.201.087.986
Chi phí phải trả	345.465.659	149.086.133	345.465.659	149.086.133
Các khoản phải trả khác	1.617.072.813	1.669.356.663	1.617.072.813	1.669.356.663
<b>Cộng</b>	<b>120.236.241.017</b>	<b>92.813.734.804</b>	<b>120.236.241.017</b>	<b>92.813.734.804</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho công ty mẹ và công ty con vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	72.308.761.717	-	-	72.308.761.717
Vay và nợ	45.423.440.828	541.500.000	-	45.964.940.828
Chi phí phải trả	345.465.659	-	-	345.465.659
Các khoản phải trả khác	1.617.072.813	-	-	1.617.072.813
<b>Cộng</b>	<b>119.694.741.017</b>	<b>541.500.000</b>	<b>-</b>	<b>120.236.241.017</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	48.794.204.022	-	-	48.794.204.022
Vay và nợ	42.201.087.986	-	-	42.201.087.986
Chi phí phải trả	149.086.133	-	-	149.086.133
Các khoản phải trả khác	1.669.356.663	-	-	1.669.356.663
<b>Cộng</b>	<b>92.813.734.804</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>92.813.734.804</b>

### 06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## 07. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Tên nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	2.221.728.351	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Quỹ đầu tư phát triển	3.736.131.836	Quỹ đầu tư phát triển	417	Quỹ đầu tư phát triển	418
3	Quỹ đầu tư phát triển	1.868.073.535	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

## 09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng